TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI,TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2020/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 3 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Châu Trung Trực
Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Huỳnh Tiến Đ, sinh năm 1989 (có mặt).
- *Bị đơn:* Chị Đặng Thúy O, sinh năm 1989 (có mặt).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị Cẩm T, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn anh Huỳnh Tiến Đ trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Huỳnh Tiến Đ và chị Đặng Thúy O tổ chức đám cưới vào ngày 05/01/2018, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD. Sau khi kết hôn chị sống bên gia đình anh Đ và làm dâu. Trong quá trình chung sống đến khi chị O mang thai 6 tháng thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không phù hợp về tính cách và đã ly thân từ ngày 22/11/2018 cho đến nay. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn chị O.

- Về con chung: Có một người con chung tên Huỳnh Tiến Đ1, sinh ngày 06/11/2018, hiện nay đang do chị O nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu được nuôi con, trường hợp giao con cho chị O nuôi anh Đ cũng đồng ý và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chunng: Có 16 chỉ vàng 24k được gia đình cho chung vào ngày thành hôn và chăn, mền gối trị giá 6.000.000 đồng hiện đang do chị O quản lý. Khi ly hôn anh Đ chỉ yêu cầu phân chia mỗi người được hưởng ½ 16 chỉ vàng 24k. Đối với chăn, mền, gối anh Đ và chị O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia.

- Về nợ người khác, người khác nợ lại vợ chồng: Không có.

** Đối với bị đơn chị Đặng Thúy O trình bày:*

- Về hôn nhân: Về thời gian tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Đ trình bày là đúng. Chị O và anh Đ phát sinh mâu thuẫn từ tháng khi chị sinh con và ly thân ngày 22/11/2018 cho đến nay. Nay anh Đ yêu cầu ly hôn chị O đồng ý.

- Về con chung: Cháu Huỳnh Tiến Đ1 do chị O nuôi dưỡng từ khi ly thân cho đến nay. Khi ly hôn chị O yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 22/11/2018 cho đến nay.

- Về tài sản riêng: Có 16 chỉ vàng 24k trong đó một chiếc kiềng 05 chỉ, một lắc tay 05 chỉ, 06 chiếc nhẫn 06 chỉ, khi ly thân chị O quản lý nhưng do thời gian ly thân cần chi phí nuôi con nên chị O đã bán 06 chỉ vàng 24k để nuôi con. Khi ly hôn chị O không đồng ý phân chia vì các tài sản này khi tuyên bố vào ngày thành hôn là cho riêng chị. Đối với chăn, ga, gối, mền như anh Đ trình bày, chị O xác định là tài sản riêng của chị trước khi kết hôn với anh Đ. Thời gian ly thân chị O để số tài sản này ở nhà anh Đ nhưng không hiểu vì sau bị cắt hư hỏng không sử dụng được. Hiện tại sự việc này chị O đang yêu cầu công an thị trấn Đầm Dơi giải quyết nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, thời gian nào chị không nhớ khoảng tháng 12/2017 khi cha mẹ anh Đ là ông Đ2 và bà T qua nhà cha mẹ chị là ông Vân và bà Lắm để giao số tiền 30.000.000 đồng dùng để tổ chức đám cho chị và anh Đ (tiền nạp tài). Chị O có nghe ông Vân và bà Lắm nói lại do gia đình chị có đủ điều kiện tổ chức đám cưới nên số tiền này bà T giữ lại để cho riêng chị nhưng đến nay bà T không giao cho chị. Nay chị O yêu cầu bà T phải giao trả cho chị số tiền 30.000.000 đồng để chị được hưởng toàn bộ.

- Về nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị Cẩm T trình bày:

Khoảng tháng 10/2017 bà và ông Đ2 chồng bà (nay đã mất) có đến nhà ông Vân và bà Lắm để giao tiền nạp tài số tiền 30.000.000 đồng, tiền bà bỏ vào bao thư và để vào dĩa trên bàn, ông Vân hỏi bao nhiêu tiền, bà nói nạp tài đám cho đồ 10.000.000 đồng, đám cưới 20.000.000 đồng, tổng số tiền 30.000.000 đồng. Ông Vân có lấy lên xem xong thì không nhận nói đám của các con trước còn khó khăn nên nhận tiền chợ, sau này con O và con Hằng sẽ không nhận tiền chợ. Hai bên cũng đưa qua lại nhiều lần, nhưng ông Vân kiên quyết không nhận nhét vào túi áo ông Đ2, ông Đ2 dùng tay để kéo bao thư tiền ra nhưng ông Vân chặn lại không cho ông Đ2 lấy ra. Hoàn toàn không có sự việc bà Lắm ông Vân nhận tiền rồi đưa lại cho vợ chồng bà nói về cho các con vì lúc đó bà chỉ nạp tài để giúp nhà gái tổ chức đám cưới chứ chưa đám cưới, chị O chưa là con dâu nên không thể có việc nói dùng tiền nạp tài đó đem về để cho con dâu. Nay bà không đồng ý yêu cầu của chị O.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, các điều 59, 81,82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị O. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Tiến Đ1, sinh ngày 06/11/2018 cho chị O trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đ1 mỗi tháng 745.000 đồng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đ về việc phân chia 10 chỉ vàng 24k cho anh Đ và chị O mỗi người được hưởng 05 chỉ vàng 24k. Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh Đ về việc phân chia 06 chỉ vàng 24k. Không chấp nhận yêu cầu của chị O về việc yêu cầu bà Trương Thị Cẩm T trả lại cho chị số tiền nạp tài 30.000.000 đồng.

Án phí hôn nhân và gia đình, cấp dưỡng, dân sự các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Trương Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Xét phạm vi khởi kiện của đương sự: Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2019 anh Huỳnh Tiến Đ yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia ½ các tài sản như chăn, mền, gối giá trị 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa anh Đ rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia các tài sản nêu trên. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của anh Đ. Trường hợp các đương sự có tranh chấp các tài sản trên sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Tiến Đ và chị Đặng Thúy O kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD, huyện ĐD vào ngày 18/12/2017 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Anh Đ có yêu cầu ly hôn, chị O đồng ý. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không Đ được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ, cho anh Đ được ly hôn chị O.

[4] Về con chung: Xét thấy hiện nay con chung của anh chị đang do chị O nuôi dưỡng ổn định, anh Đ cũng đồng ý giao cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng, việc này phù hợp với khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên giao cháu Huỳnh Tiến Đ1 cho chị O tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Vấn đề cấp dưỡng: Anh Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, chị O yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

Xét yêu cầu cấp dưỡng của chị O thấy rằng: Tại khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về mức cấp dưỡng: *" Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết."*. Căn cứ vào điều luật viện dẫn, đối chiếu với thu nhập và khả năng thực tế của anh Đ thấy rằng, hiện nay anh Đ là người có thu nhập, tại thời điểm xét xử cháu Huỳnh Tiến Đ1 chỉ hơn 14 tháng tuổi nên hàng tháng cần phải có nhiều chi phí để đảm bảo điều kiện chăm sóc cũng như nhu cầu thiết yếu cho trẻ nhỏ. Tuy nhiên, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn là trách nhiệm chung của cha mẹ nên ngoài nghĩa vụ cấp dưỡng của anh Đ là người không trực tiếp nuôi cháu Đ1 thì chị O cũng là người có thu nhập ổn định nên cũng phải có nghĩa vụ góp phần để nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh Đ phải cấp dưỡng nuôi cháu Đ1 số tiền là 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp. Mức cấp dưỡng có thể thay đổi theo quy định của pháp luật.

Về thời điểm cấp dưỡng: Xét yêu cầu của chị O yêu cầu cấp dưỡng từ ngày 22/11/2018 thấy rằng, tại Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *" Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".* Viện dẫn điều luật trên cho thấy trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Đ và chị O đều xác định khi chị O sinh cháu Đ1 thì giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân vào ngày 22/11/2018 cho đến nay. Do đó, kể từ ngày 22/11/2018 thì anh Đ và chị O không còn sống chung, anh Đ đã không trực tiếp nuôi con nên buộc anh Đ phải thực hiện nghĩa vụ cấp nuôi con tính từ ngày 22/11/2018 cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Anh Đ và chị O thống nhất xác định trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 16 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, anh Đ xác định số tài sản này được gia đình anh cho chung anh và chị O vào ngày đính hôn. Chị O xác định cha mẹ chồng cho 10 chỉ và chú bác bên gia đình anh Đ cho 6 chỉ vàng 24k là cho riêng con dâu. Xét lời trình bày và yêu cầu của các đương sự thấy rằng, tại khoản 1 và khoản 3 Điều 33 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tài sản chung của vợ chồng *"Tài sản chung của vợ chồng gồm…tài sản mà vợ chồng được tặng cho chung…" " Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung"* và khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình quy định quy định về nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn*: "Vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung" "Việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung do vợ chồng thỏa thuận" " Tài sản chung của vợ chồng được chia Đ2…"*.. Chị O cho rằng tài sản chị được tặng cho riêng nhưng không có căn cứ để chứng minh tài

sản đang tranh chấp giữa chị và anh Đ là tài sản riêng. Mặt khác, tại phiên tòa anh Đ và chị O đều xác định anh chị đăng ký kết hôn ngày 18/12/2017 trước khi tổ chức đám cưới đến khi vào ngày đính hôn anh Đ và chị O được tặng cho 16 chỉ vàng 24k nên xác định 16 chỉ vàng 24k đang tranh chấp giữa anh chị là tài sản được tặng cho chung trong thời kỳ hôn nhân. Xét việc chị O cho rằng trong thời gian ly thân chị đã bán 06 chỉ vàng 24k để nuôi con, thấy rằng khi bán và sử dụng số tài sản trên thì không có sự thỏa thuận và đồng ý của anh Đ. Ngoài ra, xét về điều kiện kinh tế của chị O vào thời điểm ly thân anh Đ không phải quá khó khăn, không có nguồn thu nhập để nuôi con. Tại phiên tòa chị O cũng xác định thời gian ly thân cho đến nay chị sống cùng gia đình cha mẹ ruột cũng có điều kiện về kinh tế, bản thân chị chỉ xuất chi phí cho việc nuôi con, ngoài số tài sản chung chị đang quản lý thì hàng tháng chị cũng là người có thu nhập ổn định nên việc chị O khai đã bán 06 chỉ vàng 24k dùng tất cả vào việc nuôi con là chưa phù hợp. Do đó, việc chị O định đoạt 06 chỉ vàng 24k mà không có sự thỏa thuận, định đoạt của anh Đ nên chị O phải có nghĩa vụ giao trả lại cho anh Đ ½ là 08 chỉ vàng 24k là phù hợp.

[6] Về tài sản riêng: Đối với việc chị O yêu cầu bà T giao lại cho chị số tiền 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy bà T xác định có việc qua nhà ông Vân và bà Lắm giao số tiền trên để cho gia đình chị O sử dụng tổ chức đám cho anh Đ và chị O, ông Vân, bà Lắm không nhận thì bà mang về, không có việc cho chị O số tiền trên. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác định tại thời điểm sự việc giao tiền diễn ra tại nhà ông Vân thì chỉ có ông Vân, bà Lắm là cha mẹ ruột của chị O và ông Đ2, bà T là cha mẹ ruột của anh Đ, không còn người nào khác chứng kiến. Chị O cũng xác định sự việc bà T nói cho số tiền 30.000.000 đồng cho chị thì chị cũng chỉ nghe ông Vân và bà Lắm nói lại mà không trực tiếp chứng kiến, chị O cũng không đưa ra được căn cứ chứng minh có sự việc bà T cho số tiền trên cho chị. Do đó, việc chị O yêu cầu bà T giao lại cho chị số tiền 30.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Về nợ người khác và người khác nợ lại: Anh Đ và chị O xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí dân sự sơ thẩm anh Đ phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm chị O phải chịu theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Án phí phân chia tài sản chung anh Đ và chị O mỗi người phải chịu là 1.748.000 đồng (giá vàng tại thời điểm xét xử là 4.370.000 đồng/chỉ x 8 chỉ x 5%). Chị O phải chịu án phí đối với yêu cầu chia tài sản riêng không được Tòa án chấp nhận là 1.500.000 đồng (30.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 35, 51, 53, 56, 57, 58, khoản 2 Điều 59, 81, 82 , 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tiến Đ, cho anh Huỳnh Tiến Đ được ly hôn chị Đặng Thúy O.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Huỳnh Tiến Đ1 (nam), sinh ngày 06/11/2018 cho chị Đặng Thúy O được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Huỳnh Tiến Đ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Buộc anh Huỳnh Tiến Đ phải cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Tiến Đ1 số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 22/11/2018 cho đến khi cháu Huỳnh Tiến Đ1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đặng Thúy O có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải trả thì hàng tháng anh Huỳnh Tiến Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tiến Đ về việc yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia ½ giá trị các tài sản như chăn, mền, gối giá trị 6.000.000 đồng. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3.2. Phân chia cho anh Huỳnh Tiến Đ được hưởng 08 chỉ (tám chỉ) vàng 24k, chị Đặng Thúy O được hưởng 08 chỉ (tám chỉ) vàng 24k, số tài sản này do chị Đặng Thúy O đang quản lý nên buộc chị Đặng Thúy O có nghĩa vụ trả lại cho anh Huỳnh Tiến Đ 08 chỉ (tám chỉ) vàng 24k.

4. Về tài sản riêng: Không chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thúy O về việc yêu cầu bà Trương Thị Cẩm T giao trả lại cho chị Đặng Thúy O số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

5. Về án phí:

5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Huỳnh Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0010019 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Huỳnh Tiến Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5.2. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Huỳnh Tiến Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

5.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Tiến Đ Phải chịu 1.748.000 đồng (một triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 875.000 đồng (tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số 0010020 ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Huỳnh Tiến Đ còn phải nộp tiếp số tiền là 873.000 đồng (tám trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Chị Đặng Thúy O phải chịu 3.248.000 đồng (ba triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0010198 ngày 10 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm

Dơi; chị Đặng Thúy O còn phải nộp tiếp số tiền là 2.498.000đồng (hai triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống Đ hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THA dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Thị trấn ĐD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung